TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2019
V/v: "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Hửu Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Ông Hoàng Đình Tất - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 437/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Kim N**, sinh năm: 1956 (Vắng mặt).

Địa chỉ hiện nay: khu C, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn M**, sinh năm: 1947 (Vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: ấp S, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Kim N trình bày:

Bà và ông Huỳnh Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1972 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau do tính tình không hòa hợp nên bà và ông M đã ly thân từ năm 1995 cho đến nay mà không có hàn gắn đoàn tụ. Nay bà xét thấy mục đích hôn nhân không đạt, không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông Huỳnh Văn M.

Về con chung: Bà và ông Huỳnh Văn M có 04 con chung gồm:

1. Chị Huỳnh Kim T, sinh ngày 25/3/1976.

2. Anh Huỳnh Minh Đ, sinh ngày 14/9/1978.

3. Chị Huỳnh Kim V, sinh ngày 04/12/1980.

4. Anh Huỳnh Minh T, sinh năm: 1983.

Hiện các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Vì lý do bận công việc cá nhân, không đến Tòa án tham gia phiên tòa được nên ngày 09/8/2019 bà N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Bị đơn ông Huỳnh Văn M trong bản tự khai ngày 19/7/2019 trình bày:

Ông và bà Nguyễn Kim N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1972 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau do tính tình không hòa hợp nên ông và bà N đã ly thân từ năm 1995 cho đến này mà không hàn gắn đoàn tụ. Nay bà N xin ly hôn ông tại Tòa án thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Kim N có 04 con chung gồm:

1. Chị Huỳnh Kim T, sinh năm: 1976.

2. Anh Huỳnh Minh Đ, sinh năm: 1978.

3. Chị Huỳnh Kim V, sinh năm: 1980.

4. Anh Huỳnh Minh T, sinh năm: 1983.

Hiện các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Vì lý do tuổi già đi lại khó khăn, không đến Tòa án tham gia phiên tòa được nên ngày 19/7/2019 ông M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Từ khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, ông, bà chung sống với nhau từ năm 1972 nhưng không có đăng ký kết hôn, căn cứ Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội xác định quan hệ hôn nhân ông, bà là hôn nhân thực tế, được công nhận quan hệ vợ chồng. Nay bà N yêu cầu khởi kiện

xin ly hôn với ông M tòa án xem xét giải quyết như trường hợp có đăng ký kết hôn. Xét thấy ông bà đã sống ly thân từ 25 năm nay, không ai quan tâm tới ai, bà N xin ly hôn ông M cũng đồng ý. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Ông, bà có 04 người con chung là chị Huỳnh Kim T, sinh năm 1976, anh Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1978, chị Huỳnh Kim V, sinh năm 1980 và anh Huỳnh Minh T, sinh năm 1983, tất cả đều đã trưởng thành và tự nuôi sống được bản thân nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông, bà trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ông, bà trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim N, bị đơn ông Huỳnh Văn M có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông Huỳnh Văn M có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

[3].Về nội dung: Bà Nguyễn Kim N và ông Huỳnh Văn M khai nhận tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1972 nhưng không đăng ký kết hôn tại địa phương. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng thời gian về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình hai người không hòa hợp, khác biệt về quan điểm sống, cũng như không còn sự quan tâm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà N xin ly hôn ông M tại Tòa án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim N về việc xin ly hôn với ông Huỳnh Văn M thì thấy rằng: Bà N và ông M khai tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1972 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên căn cứ vào giấy khai sinh của anh Huỳnh Minh Đ và chị Huỳnh Kim V là con bà N, ông M do ủy ban nhân dân xã Bàu Cạn, huyện Long Thành cấp vào ngày 13/9/1983 thì có căn cứ thể hiện bà N, ông M đã chung sống với nhau

như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987. Do đó căn cứ theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì quan hệ hôn nhân của bà N, ông M là hôn nhân thực tế. Nay bà N yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông M tòa án xem xét giải quyết như trường hợp có đăng ký kết hôn. Xét thấy bà N, ông M thừa nhận đã ly thân với nhau từ năm 1995 đến nay mà không hàn gắn đoàn tụ được, chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai ông, bà đã trầm trọng. Bà N xin ly hôn thì ông M cũng có ý kiến đồng ý ly hôn. Do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, xử cho bà N được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà và ông Huỳnh Văn M có 04 con chung là chị Huỳnh Kim T, sinh năm: 1976, anh Huỳnh Minh Đ, sinh năm: 1978, chị Huỳnh Kim V, sinh năm: 1980, anh Huỳnh Minh T, sinh năm: 1983. Hiện nay các con đều đã trưởng thành và đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[4] Về án phí: Bà N là người nộp đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim N về việc xin ly hôn với ông Huỳnh Văn M. Xử cho bà Nguyễn Kim N được ly hôn với ông Huỳnh Văn M.

2. Về nuôi con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Kim N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0005138 ngày 19/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, bà N đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Kim N, ông Huỳnh Văn M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :
- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã Bàu Cạn;
- Lưu văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

Phạm Văn Huynh – Lưu Đức Chung **Nguyễn Văn Thành**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

Phạm Văn Huynh – Lưu Đức Chung **Nguyễn Văn Thành**